

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN EA KAR

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **18/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 20 tháng 7 năm 2021

“V/v: Ly hôn”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Thắng và ông Y Nik Ê Ban

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc *“Ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1985 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Khối 2, thị trấn E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Võ T, sinh năm 1981 (*Vắng mặt không có lý do*)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Võ T đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Tít, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 31/7/2008. Sau khi về chung sống với nhau được khoảng 02 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do gia đình kinh tế khó khăn, nên vợ chồng hay mâu thuẫn với nhau về chuyện tiền bạc, nên ông Võ T đánh đập tôi, mặc dù tôi cố nhịn để cho qua chuyện nhưng ông Võ T vẫn không thay đổi. Vì vậy nên tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 9 năm 2008

đến nay. Nguyên vọng của tôi là yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Võ T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ kiện, xác định ông Võ T đang sinh sống tại địa phương đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông Thanh vắng mặt, không đến làm việc không có lý do, nên không thể hòa giải được.

Ngày 01/7/2021, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng Bị đơn ông Võ T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Phản tranh tụng tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar

Về tố tụng: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành, bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích nguyên nhân mâu thuẫn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Võ T;

Về con chung: Không có nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ vụ án “*Ly hôn*” các đương sự đang cư trú trên địa bàn huyện Ea Kar, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Võ T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] *Về nội dung*

[2.1] *Xét quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời trình bày của bà Nguyễn Thị Minh T và tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện có đủ cơ sở xác định: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Võ T lấy nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Ea Tịch, huyện Ea

Kar, tỉnh Đắk Lắk theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà Nguyễn Thị Minh T sau thời gian chung sống với nhau, do vấn đề tiền bạc, kinh tế trong gia đình còn khó khăn, chi tiêu sinh hoạt trong cuộc sống không đủ, nên ông Võ T đã có hành vi bạo lực đối với bà T. Vì bà Nguyễn Thị Minh T và ông Võ T không có tiếng nói chung, không thể ngồi lại với nhau, tìm giải pháp để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, nên sau khi kết hôn được khoảng 02 tháng thì bà Nguyễn Thị Minh T bỏ về nhà cha mẹ để ở và hai người sống ly thân từ tháng 9 năm 2008 đến nay. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Minh T khẳng định không còn tình cảm với ông Võ T.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, được biết: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Võ T sau khi kết hôn thì chung sống tại thôn Đ, xã E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk. Sau thời gian chung sống khoảng 02 tháng thì bà Nguyễn Thị Minh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Minh T và ông Võ T đã sống ly thân với nhau từ lâu (Tháng 9/2008 đến nay), điều này chứng tỏ hai người không còn yêu thương nhau, tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Minh T và ông Võ T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T là có căn cứ.

[3] *Về con chung, tài sản chung*: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T.

1. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Võ T.

2. *Về con chung, tài sản chung*: Chưa có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí đã theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0016987 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar;

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- UBND xã Ea Tít, huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuấn